Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện

	Ước tính *(Tỷ đồng)*		So với kế hoạch năm 2010 (%)	
	Tháng 3/2010	Quý I năm 2010	Tháng 3/2010	Quý I năm 2010
TỔNG SỐ	**8297,5**	**21808,0**	**6,6**	**17,4**
Phân theo cấp quản lý				
Trung ương	2509,5	6716,0	6,7	17,9
Địa phương	5788,0	15092,0	6,6	17,2
Một số Bộ				
Bộ Công thương	289,0	739,0	7,1	18,3
Bộ Xây dựng	81,0	211,0	8,2	21,3
Bộ NN và PTNT	210,0	540,0	6,6	16,9
Bộ Giao thông Vận tải	420,0	1207,0	6,3	18,1
Bộ Giáo dục và Đào tạo	62,1	156,4	6,1	15,3
Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	42,5	110,5	7,2	18,8
Bộ Y tế	72,8	199,8	5,8	15,9
Một số địa phương				
Hà Nội	813,4	2106,2	6,3	16,4
Bắc Ninh	107,0	327,0	8,9	27,1
Hải Dương	38,2	103,1	4,4	11,9
Hải Phòng	184,0	433,7	11,1	26,1
Ninh Bình	169,0	615,7	10,5	38,2
Thái Nguyên	150,0	285,0	10,6	20,2
Hoà Bình	122,0	323,5	11,5	30,6
Nghệ An	135,0	451,6	6,2	20,9
Hà Tĩnh	88,4	254,4	4,9	14,1
Quảng Trị	140,0	377,4	9,4	25,2
Thừa Thiên-Huế	238,0	395,0	14,1	23,4
Đà Nẵng	268,0	649,0	6,5	15,7
Bình Định	70,0	152,0	5,0	11,0
Khánh Hoà	73,0	201,4	4,3	11,8
Lâm Đồng	120,0	243,3	7,9	15,9
Đồng Nai	121,0	403,0	8,5	28,2
Bà Rịa- Vũng Tàu	231,0	688,4	7,8	23,3
TP,Hồ Chí Minh	649,0	1618,6	3,7	9,3
Tiền Giang	65,5	179,8	5,6	15,5
Vĩnh Long	97,0	137,3	7,8	11,1